

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/DS-PT

Ngày 01/12/2020

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán :

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/ 2020 /TLPT ngày 17 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp: “*Di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc A, ông Đỗ Thanh S, Đỗ Thanh T, Đỗ Thanh N, Đỗ Văn N.

Địa chỉ: tổ H Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T, ông N, ông N: Ông Đỗ Đồng N.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2020).

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc N

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Ngọc M.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Bà Đỗ Thị P, ông Đỗ Văn M, bà Đỗ Ngọc B, ông Đỗ Ca T.

Cùng địa chỉ: tổ H, khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Thanh T, bà Đặng Trần Phương Q.

Cùng địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T bà Q: Ông Phạm Trần Kỷ K.

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019).

Ông Đỗ Duy N.

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bà Âu Thị Ngọc C.

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ngân hàng N.

Người Đại diện theo ủy quyền: Đặng Hữu B.

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020)

4. *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Ngọc A, ông Đỗ Thanh S, Đỗ Thanh T, Đỗ Thanh N, Đỗ Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Ông Đỗ Văn K (chết ngày 14/01/1976), bà Nguyễn Thị D chết ngày 06/8/2007) ông bà có 07 người con gồm:

1. Đỗ Thị Phấn - sinh năm 1948;
 2. Đỗ Văn M - sinh năm 1950;
 3. Đỗ Ca Tê - sinh năm 1955;
 4. Đỗ Thanh T - sinh năm 1958 (chết ngày 02/4/2003) có vợ là Bùi Thị Ngọc A và 04 người con: Đỗ Thanh Sang, Đỗ Thanh T, Đỗ Thanh N và Đỗ Văn N.
 5. Đỗ Thị Ngọc M - sinh năm 1960;
 6. Đỗ Thị Ngọc N - sinh năm 1962;
 7. Đỗ Thị Ngọc B - sinh năm 1964.
- Ông K bà D không còn con chung, con riêng nào khác.

Về di sản tranh chấp: Bà Nguyễn Thị D có đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 1.000m², tại thửa 712, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp P1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001915 ngày 30/12/1992.

Sau khi bà D chết, Bà N công bố di chúc cho rằng do bà D lập và tiến hành làm thủ tục phân chia di sản thừa kế nhưng trong đó chỉ chia cho 06 người con, còn các nguyên đơn là vợ và con của ông Nguyễn Thanh T (chết năm 2003) thì không được chia. Các nguyên đơn cho rằng tờ di chúc được lập không đúng theo quy định của pháp luật, không ghi rõ ngày tháng lập di chúc, không có giấy khám sức khỏe của bà D, bà D không biết chữ nhưng không có người làm chứng.

Nay các nguyên đơn yêu cầu hủy tờ di chúc của bà D lập năm 2006, đồng thời yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà N, bà M, bà B, Bà P và ông M gồm các giấy chứng nhận CH00890, CH01531, CH01533, CH00891 và CH01534, yêu cầu chia thừa kế diện tích đất tại thửa 712 theo quy định của pháp luật làm 07 phần bằng nhau cho 07 người con của ông K, bà D như nêu trên. Các nguyên đơn yêu cầu được chia đất, riêng căn nhà phủ thờ và các tài sản trên đất không yêu cầu chia.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì trước khi bà D chết có lập di chúc và được UBND thị trấn T chứng thực ngày 24/02/2006 đúng theo quy định của pháp luật, nội dung di chúc chia thừa 712 cho các người con nhưng không có phần chia cho các con ông Đỗ Thanh T. Sau đó các con bà D đã thực hiện thủ tục phân chia đúng theo nội dung di chúc và UBND huyện T cấp giấy chứng nhận hợp pháp. Quá trình làm thủ tục phân chia di sản không có ai khiếu nại liên quan.

Phần đất của Bà N được chia tại thửa số 38, diện tích 219m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00890 ngày 15/8/2013, sau đó Bà N chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho bà Đặng Trần Phương Q và hai bên hoàn tất thủ tục ngày 11/4/2018, hiện nay đất do vợ chồng ông T bà Q quản lý sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Ngọc M trình bày: Sau khi thừa kế theo di chúc, bà M được nhận diện tích đất 211,7m² tại thửa 301, giấy CNQSD đất số CH01531, cấp ngày 15/5/2013. Bà Đỗ Ngọc B được chia diện tích 103m² tại thửa 300, bà B chuyển nhượng lại cho bà Đỗ Thị Hồng S và bà S chuyển nhượng lại thửa 300 này cho bà M theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/7/2017, bà M được cấp giấy CNQSD đất CS03560 ngày 10/8/2017. Cả hai thửa 300 và 301 do bà M đứng tên quyền sử dụng đất nhưng hiện do các nguyên đơn đang chiếm giữ, bà M nhiều lần yêu cầu Bà A di dời để trả lại đất nhưng Bà A không đồng ý.

Nay bà M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có đơn yêu cầu độc lập buộc các nguyên đơn phải có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để giao trả cho bà M diện tích theo đo đạc thực tế là 186,3m², tại thửa đất số 300 và 301, tờ bản đồ số 36.

Bà Đỗ Thị P trình bày: Tờ di chúc được chứng thực ngày 24/02/2006 là đúng theo ý kiến và nguyện vọng của bà D lúc còn sống, bà là người đưa bà D đi khám sức

khỏe. Sức khỏe bà D lúc lập di chúc còn minh mẫn, sáng suốt cho nên cán bộ tư pháp mới chứng thực việc lập di chúc. Khi bà D bị bệnh mặc dù Bà A sống chung nhà nhưng không chăm sóc bà D cho nên bà D lập di chúc không để lại phần thừa kế cho Bà A và các con. Nay bà đồng ý với diện tích đất được chia tại thửa 302 là 108,7m², không yêu cầu gì thêm bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Đỗ Văn M trình bày: Ông được chia diện tích 110,5m² tại thửa 303 nhưng theo ông M tờ di chúc do bà M và Bà N tự làm, chứ bà D lúc còn sống không có ý định lập di chúc chia cho ai cả. Nay ông đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý hủy tờ di chúc để chia thừa kế thửa đất 712 lại thành 07 phần bằng nhau cho 07 người con theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Ngọc B trình bày: Bà đồng ý tờ di chúc của bà D, đồng ý diện tích đất bà đã được chia 103m², tại thửa 300, không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu hủy tờ di chúc và hủy giấy CNQSD đất cấp cho bà.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Ca T: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Bà Bùi Thị Ngọc A

Ông Đỗ Duy N trình bày: Ngày 18/10/2018, bà M có làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông toàn bộ diện tích đất tại thửa 300 và 301, tờ bản đồ số 36, giá chuyển nhượng thực tế bên ngoài là 3.500.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng nhưng chưa hoàn thành thủ tục sang tên do đất đang phát sinh tranh chấp. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời thống nhất theo yêu cầu của bà M buộc các nguyên đơn phải giao trả lại đất đang sử dụng.

Người đại diện cho ông Nguyễn Thanh T bà Đặng Trần Phương Q trình bày: Ngày 09/02/2018, Bà Đỗ Thị Ngọc N có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T bà Q toàn bộ diện tích đất tại thửa 38, tờ bản đồ số 36 với giá 1.500.000.000 đồng, hai bên đã hoàn thành thủ tục sang tên chuyển nhượng và giao nhận tiền xong, hiện thửa đất do bà Đặng Trần Phương Q đứng tên vào ngày 11/4/2018. Nay qua yêu cầu của nguyên đơn, ông T và bà Q không đồng ý hủy giấy CNQSD đất đã được cấp cho bà Q vì việc chuyển nhượng là hợp pháp, thời điểm chuyển nhượng đất không tranh chấp và hiện nay đất do ông T bà Q đang quản lý, cho Bà Âu Thị Ngọc C thuê mở quán ăn. Ngoài ra thửa 38 ông T bà Q đang thế chấp cho Ngân hàng N chi nhánh quận T để vay tiền theo hợp đồng thế chấp số 2019-035096 lập ngày 05/8/2019.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N chi nhánh quận T trình bày: Ngày 05/8/2019 có thế chấp thửa 38 để vay tiền của Ngân hàng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy di chúc để chia thừa kế lại có liên quan đến thửa đất số 38, Ngân hàng không có ý kiến gì tùy Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Âu Thị Ngọc C trình bày: Vào ngày 27/9/2019 bà có ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của ông T bà Q tại thửa 38, thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 27/9/2019, hết hạn thuê ngày 27/9/2024. Giá thuê 10.000.000 đồng/tháng, từ năm thứ hai trở đi mỗi năm tăng thêm 1.000.000 đồng /tháng. Mục đích thuê là để kinh doanh quán ăn. Bà không có ý kiến gì tùy Tòa giải quyết theo quy định của pháp, luật. Trường hợp thửa đất đang thuê phải trả lại để chia di sản thừa kế thì bà và vợ chồng ông T bà Q sẽ tự thương lượng giải quyết thanh toán hợp đồng với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu chia 121,5m², loại đất ODT trong tổng số 850,6m² tại thửa 712 (cũ). Các nguyên đơn xác định không có yêu cầu giám định dấu vân tay của bà Nguyễn Thị D trong tờ di chúc chứng thực ngày 24/02/2006.

Người đại diện cho bà M giữ nguyên yêu cầu độc lập buộc các nguyên đơn tháo dỡ di dời tài sản trả lại đất, bà M tự nguyện hỗ trợ cho các nguyên đơn 200.000.000 đồng, và tự chịu chi phí đo đạc, định giá 3.000.000 đồng không yêu cầu nguyên đơn trả lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 121,5m², loại đất ODT, tại thửa 712, tờ bản đồ số 04 (cũ), do bà Nguyễn Thị D đứng tên (nay là thửa 300, 301, tờ bản đồ số 36 do bà Đỗ Thị Ngọc M đứng tên).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Ngọc M.

Buộc các nguyên đơn gồm Bùi Thị Ngọc A, Đỗ Thanh Sang, Đỗ Thanh T, Đỗ Thanh N và Đỗ Văn N phải có trách nhiệm tự tháo dỡ di dời các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để giao trả lại cho bà Đỗ Thị Ngọc M diện tích đất 186,3m², loại đất ODT, tại thửa 300 và 301, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ do bà Đỗ Thị Ngọc M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với ngôi mộ đá của ông Nguyễn Thanh T, bà M không yêu cầu di dời.

Vị trí, kích thước, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 66 do trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 12/7/2019.

Hộ Bà Bùi Thị Ngọc A được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận bà Đỗ Thị Ngọc M tự nguyện hỗ trợ cho các nguyên đơn tổng số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/7/2020 các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo không yêu cầu chia thừa kế mà xin Bà N, bà M vì tình nghĩa máu mủ cho Bà Ngọc A 800.000.000 đồng.

Đương sự còn lại giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bà D qua đời để lại di chúc, các con đều được hưởng trừ ông Đỗ Thanh T. Ngày 06/11/2008 các con bà D khai nhận di chúc (không

có mặt ông Đỗ Ca T). Xét thấy, bà D lập di chúc là người không biết chữ nhưng không có người làm chứng là không đúng quy định. Cấp sơ thẩm vì phạm thủ tục tố tụng không đưa Ủy ban nhân dân quận T vào tham gia tố tụng; không thu thập các tài liệu niêm yết khi tiến hành khai nhận di sản thừa kế tại phòng tư pháp quận T xem có đúng quy định hay không là thiếu sót. Đồng thời cấp sơ thẩm cũng chưa xác định vị trí ngôi mộ của ông T cũng là thiếu sót.

Với những ý kiến nêu trên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn khởi kiện bị đơn Bà Đỗ Thị Ngọc N yêu cầu chia di sản thừa kế. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết tranh chấp theo quan hệ chia di sản thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[2] Ông Đỗ Văn K (chết năm 1976) và bà Nguyễn Thị D (chết ngày 06/8/2007) có 07 người con gồm Đỗ Thị Phấn, Đỗ Văn M, Đỗ Thanh T (chết ngày 02/4/2003), Đỗ Thị Ngọc M, Đỗ Thị Ngọc N, Đỗ Thị Ngọc B).

Bà D qua đời có để lại di sản thừa kế theo tờ di chúc, có công chứng chứng thực ngày 24/02/2016 cho 06 người con trừ ông Đỗ Thanh T. Di sản để lại là quyền sử dụng đất 1.000m², thửa 712, tờ bản đồ số 04, được UBND huyện T, Tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001915 ngày 30/12/1992 và hiện tại được tách thành các thửa đất gồm:

Thửa **38** diện tích 219m² do Bà Đỗ Thị Ngọc N đứng tên, đã chuyển nhượng cho bà Đặng Trần Phương Q ngày 11/4/2018, bà Q đã thế chấp tại Ngân hàng N ngày 05/8/2019 và đang cho Bà Âu Thị Ngọc C thuê.

Thửa **300**, diện tích 103m²; thửa **301** diện tích 211,7m² do bà Đỗ Thị Ngọc M đứng tên;

Thửa **302** diện tích 108,7m² do Bà Đỗ Thị P đứng tên;

Thửa **303**, diện tích 110,5m² do ông Đỗ Văn M đứng tên.

Thửa **712** diện tích 112m² do ông Đỗ Ca T đứng tên.

[3] Căn cứ Điều 646 Bộ luật Dân sự 2005 (có hiệu lực tại thời điểm lập di chúc) có quy định “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”. Do đó việc bà D lập di chúc để lại tài sản cho 06 người con, không để lại di sản cho ông T là ý chí của bà D được pháp luật cho phép nên không thể buộc bà D để lại di sản cho ông T hoặc cho người khác vì điều đó trái với ý chí của bà.

[4] Tờ di chúc được lập thành văn bản, được bà D là người để lại di sản điểm chỉ, có nội dung cụ thể, thể hiện rõ là tại thời điểm chứng thực bà D không bị

mất hành vi dân sự, nội dung di chúc là phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội, cũng đã được công chứng chứng thực vào ngày 24/02/2006. Việc thực hiện thủ tục lập di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn T thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo nội dung chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn T đã ghi nhận:

- Tại thời điểm chứng thực, các đương sự có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Nội dung di chúc phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội.
- Các đương sự đã đọc lại bản di chúc do mình lập, đồng ý toàn bộ nội dung và đã ký vào di chúc này trước mặt tôi.
- Tôi đã giải thích cho các đương sự nghe về quyền của hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Họ khai hiểu rõ quy định ấy, đồng thời tuyên bố bảo lưu toàn bộ di chúc trên đây.

Do đó, tờ di chúc được bà D lập và diêm chỉ được xem là di chúc hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự 2005 như sau :

“1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật.”

[5] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng thời điểm năm 2006 người để lại di chúc là bà D lú lẫn, bệnh nằm liệt giường nên không thể lập di chúc là không đúng với những gì đã thể hiện trên tờ di chúc như đã phân tích, các nguyên đơn nại ra vẫn đề trên nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Ngoài ra nguyên đơn nại thêm lý do tờ di chúc không có chứng thực của bác sĩ là trong lúc lập di chúc phải hoàn toàn minh mẫn sáng suốt để yêu cầu hủy án sơ thẩm là cũng không có cơ sở, bởi lẽ theo quy định tại khoản 1 Điều 658 Bộ luật dân sự 2005 quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau :

“1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc diêm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc.” Đối chiếu quy định này thì pháp luật cũng không bắt buộc khi lập di chúc phải có giấy chứng nhận của bác sĩ là người để lại di chúc phải hoàn toàn minh mẫn như nguyên đơn đã nại ra.

Hiện nay diện tích đất do bà D để lại theo di chúc đã được các con của của bà khai nhận và chuyển tên xong và có người đã chuyển nhượng lại cho người khác và họ đã vay tiền Ngân hàng và thế chấp tài sản, riêng phần đất M 186,3m², loại đất

ODT, tại thửa 300 và 301, do các nguyên đơn đang sử dụng, cấp sơ thẩm buộc các nguyên đơn tháo dỡ, di dời những tài sản của mình để giao trả lại thửa đất trên cho bà M ghi nhận sự hỗ trợ 200 triệu đồng của bà M là có tình, có lý, ngoài ra án sơ thẩm cũng tạo điều kiện cho các nguyên đơn thời gian lưu cư 06 tháng để chuẩn bị di dời là phù hợp nghĩ nên công nhận.

Với những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Cấp sơ thẩm nhận định các nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu bị bác là chưa đúng quy định, bởi lẽ đây là vụ án tranh chấp về di sản thừa kế nếu yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn bị bác thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Ngọc M buộc nguyên đơn di dời tài sản ra khỏi đất tranh chấp được tòa án chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị hủy bản sơ thẩm tuy nhiên qua các chứng cứ phân tích trên thì không có căn cứ để hủy án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 121,5m², loại đất ODT, thuộc thửa 712, tờ bản đồ số 04 (cũ), do bà Nguyễn Thị D đứng tên (nay là thửa 300 và 301, tờ bản đồ số 36 do bà Đỗ Thị Ngọc M đứng tên).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Ngọc M.

Buộc các nguyên đơn gồm Bùi Thị Ngọc A, Đỗ Thanh Sang, Đỗ Thanh T, Đỗ Thanh N và Đỗ Văn N phải có trách nhiệm tự tháo dỡ di dời các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để giao trả lại cho bà Đỗ Thị Ngọc M diện tích đất 186,3m², loại đất ODT, tại thửa 300 và 301, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, do bà Đỗ Thị Ngọc M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với ngôi mộ đá của ông Đỗ Thanh T, bà M không yêu cầu di dời.

Vị trí, kích thước, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 66 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 12/7/2019.

Hộ Bà Bùi Thị Ngọc A được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận bà Đỗ Thị Ngọc M tự nguyện hỗ trợ cho các nguyên đơn tổng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Các nguyên đơn phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), bà Đỗ Thị Ngọc M tự nguyện nộp 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) nên các nguyên đơn phải chịu là 3.000.000 đồng. Công nhận các đương sự đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.165.000 đồng theo biên lai số 004380 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; các nguyên đơn được hoàn trả số tiền chênh lệch là 1.865.000 đồng.

Bà Đỗ Thị Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 004460 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Án phí phúc thẩm: Các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 012281 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Các nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS. Q.Thốt Nốt;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trí Dũng